Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7011.10.10

Mã HS	7011.10.10
Mô tả hàng hóa	Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hở, và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện và các nguồn sáng, ống đèn tia ca-tốt hoặc các loại tương tự / - Dùng cho đèn điện: / - - Trụ (stem) giữ dây tóc bóng đèn
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:57:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70111010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10517
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10517
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10517
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10001
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9952
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9952
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9952
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9952
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9952
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9952
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10004
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10004
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10004
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10004

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10004
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10004
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10005
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10005
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10005
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10005
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10005
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10005
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10006
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9958
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9964
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9964
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9964
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9964
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9964
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9964
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9989
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9989
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9989
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9989
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9989
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9989
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10036
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10036
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10036
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10036

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10036
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10036
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10027
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10027
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10027
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10027
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10027
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10027
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D10027
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E10027
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F10027
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G10027
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H10027
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10027
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D10038
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10038
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10038
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10038
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10038
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10038
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D10037
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10037
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10037
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10037
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10037
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10037

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9984
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9984
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9984
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9984
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9984
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9984
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9984
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10021
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10021
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10021
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10021
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10021
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10021
RCEP B	2022	2022	0	B!D10021
RCEP B	2023	2023	0	B!E10021
RCEP B	2024	2024	0	B!F10021
RCEP B	2025	2025	0	B!G10021
RCEP B	2026	2026	0	B!H10021
RCEP B	2027	2027	0	B!I10021
RCEP C	2022	2022	0	C!D10021
RCEP C	2023	2023	0	C!E10021
RCEP C	2024	2024	0	C!F10021
RCEP C	2025	2025	0	C!G10021
RCEP C	2026	2026	0	C!H10021
RCEP C	2027	2027	0	C!I10021
RCEP D	2022	2022	0	D!D10020

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10020
RCEP D	2024	2024	0	D!F10020
RCEP D	2025	2025	0	D!G10020
RCEP D	2026	2026	0	D!H10020
RCEP D	2027	2027	0	D!I10020
RCEP E	2022	2022	0	E!D10024
RCEP E	2023	2023	0	E!E10024
RCEP E	2024	2024	0	E!F10024
RCEP E	2025	2025	0	E!G10024
RCEP E	2026	2026	0	E!H10024
RCEP E	2027	2027	0	E!I10024
RCEP F	2022	2022	0	F!D10021
RCEP F	2023	2023	0	F!E10021
RCEP F	2024	2024	0	F!F10021
RCEP F	2025	2025	0	F!G10021
RCEP F	2026	2026	0	F!H10021
RCEP F	2027	2027	0	F!I10021
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F9264
VIFTA	2025	2025	4	VI!G9264
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H9264
VIFTA	2027	2027	3	VI!I9264

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7011.10 có 2 dòng thuế; dòng 7011.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Trụ (stem) giữ dây tóc bóng đèn.	7011.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7011.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7011.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10517), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.